

Số: 9 /QĐ-NV

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (lần 2) của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa.

Căn cứ nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 6569/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 (lần 2);

Xét đề nghị của bộ phận tài chính, kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của Phòng Nội vụ thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Lãnh đạo, bộ phận tài chính và cán bộ, công chức Phòng Nội vụ tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- UBND Tp. Biên Hòa (báo cáo);
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng VH, KH và TT (phối hợp công khai)
- Như điều 3;
- Lưu: VT; Kế toán.



Nguyễn Kim Bích Huyền

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **PHÒNG NỘI VỤ**

Chương: **635**



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số **9** /QĐ-NV ngày **08** /4/2025 của Phòng Nội vụ)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.119.145.084
I	Nguồn ngân sách nhà nước	15.119.145.084
1	Chi quản lý hành chính	13.939.145.084
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.387.315.060
1.1.1	Thanh toán cá nhân	2.354.857.060
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	2.354.857.060
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.032.458.000
	- Kinh phí hoạt động	1.032.458.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10.551.830.024
1.2.1	Kinh phí cải cách hành chính	603.742.000
	- Kinh phí hoạt động	603.742.000
1.2.2	Kinh phí phục vụ công tác QLNN về văn thư lưu trữ thành phố	112.500.000
	- Kinh phí hoạt động	112.500.000
1.2.3	Kinh phí khen thưởng	9.644.388.024
	- Kinh phí hoạt động	9.644.388.024
1.2.4	Kinh phí kiểm tra, rà soát các cột mốc, các giới tuyến địa giới hành chính và công tác quản lý nhà nước về địa giới hành chính	54.000.000
	- Kinh phí hoạt động	54.000.000
1.2.5	Kinh phí hỗ trợ tết	200.000
1.2.6	Kinh phí phần mềm HTCV-TL	20.000.000
1.2.7	Kinh phí tranh chấp lao động tập thể	90.000.000
1.2.8	Kinh phí thù lao cho hòa giải viên	27.000.000
2	Chi các sự nghiệp	1.180.000.000
2.1.1	Sự nghiệp đào tạo:	180.000.000
	- Kinh phí hoạt động	180.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.1.2	Kinh phí đảm bảo xã hội:	1.000.000.000
	Kinh phí đảm bảo xã hội (Điều dưỡng người có công)	1.000.000.000